

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP NĂM 2011

A. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công Nghiệp thuộc Tổng Công ty Máy & Thiết bị Công nghiệp, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) được thành lập ngày 27/12/1990.

Thực hiện chủ chương của chính phủ v/v chuyển đổi các doanh nghiệp NN sang công ty cổ phần, Ngày 17/11/2003: Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký quyết định số 195/2003/QĐ-BCN chuyển Công ty Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp thành Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp.

Kể từ ngày 01/3/2004, Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng nhà nước chiếm cổ phần chi phối là 51%

2.- Quá trình phát triển

2.1 - Về ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu hàng kim khí, kim loại màu, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị công nghiệp,.....

+ Công ty là đại lý bán hàng cho các hãng sản xuất nổi tiếng trên Thế giới về các mặt hàng như các loại ổ bi, vòng bi trụ, vòng bi kim loại, các thiết bị bảo dưỡng vòng bi (F'is) là đại lý lớn nhất cho Hãng vòng bi SCHAEFFLER (CHLB Đức) tại Việt Nam.

+ Về dụng cụ đo điện : là đại lý độc quyền cho hãng Kyoritsu của Nhật Bản tại Việt nam..

+ Palăng, cầu trục các loại: Là đại lý bán hàng cho các Hãng KITO và VITAL của Nhật Bản.

+ Mặt hàng thép chế tạo: Là nhà cung cấp có uy tín các loại thép chế tạo nhập khẩu từ Nhật, Hàn Quốc, Liên Bang Nga... cho các nhà SX trong nước.

2.2 - Về sản xuất: Công ty có Nhà máy QC2 (gồm 02 xưởng SX) chuyên sản xuất một số các mặt hàng sau:

.....
+ Các loại bu lông, đai ốc chất lượng cao, sản phẩm cơ khí, phụ tùng tiêu chuẩn cho các loại xe và thiết bị công nghiệp.

+ Cán kéo thép thông dụng và chuyên dụng, kim loại màu, gia công lắp ráp, sản xuất các loại vòng bi và các sản phẩm cơ khí khác.

3- Tình hình hoạt động

Do giữ được chữ tín trong hoạt động kinh doanh nên Công ty đã nhanh chóng chiếm được uy tín trên thị trường trong nước và ngoài nước. Đã trở thành nhà cung cấp hàng hoá có uy tín đối với các ngành Công nghiệp Cơ khí chế tạo, Đường sắt, Xi măng, Sản xuất thép, Dệt, Mía đường, Giấy, Đóng tàu... trên toàn quốc

Công ty đã có quan hệ hợp tác tin cậy với nhiều hãng lớn nổi tiếng ở các nước Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Tiểu Vương Quốc Ả-Rập thống nhất và các nước thuộc khối ASEAN. Có đội ngũ gồm các kỹ sư và chuyên viên kỹ thuật trình độ cao sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của quý khách hàng.

Sau 8 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Công ty đã dần lớn mạnh và khẳng định được vị thế và uy tín trên thị trường liên tục làm ăn có lãi, doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều ổn định và tăng trưởng. Các năm 2008, 2009 và năm 2010, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu, kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn, lạm phát, lãi suất liên tục tăng cao, nhưng Công ty vẫn liên tục làm ăn có lãi và duy trì được lợi nhuận, cổ tức đạt trung bình 12% riêng 2011 do gặp nhiều khó khăn lãi suất ngân hàng cao, nhiều khách hàng đình trệ SX nên hàng hóa tiêu thụ thấp, không có lãi nên không có cổ tức.

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chi tiêu chính	2008	2009	2010	2011
	Doanh thu thuần	183	165	157	162
	Lợi nhuận sau thuế	1.6	2.2	2.1	0
	Lợi nhuận/vốn	11,77%	15.25%	14,25%	0

4- Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trước xu thế hội nhập và phát triển, ngành Công nghiệp Việt Nam đang đứng trước những cơ hội để phát triển mạnh mẽ và đi cùng với sự phát triển đó là những cơ

101
CÔ
CÔ
INH
TH
CÔN

.....
hội và thách thức đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và các công ty cung ứng các thiết bị công nghiệp để phát triển bền vững. Với tầm nhìn chiến lược và bề dày kinh nghiệm của Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động, nắm vững kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, IETC đã chú trọng nắm bắt quy luật và những yêu cầu tất yếu của thị trường để có chiến lược phát triển phù hợp

Định hướng phát triển trong thời gian tới của Công ty là giữ vững mối quan hệ với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, mở rộng mạng lưới bán hàng truyền thống từng bước đầu tư công nghệ hiện đại để sản phẩm Bulong đai ốc đạt chất lượng cao đáp ứng yêu cầu khách hàng trong nước, tìm kiếm đối tác nước ngoài để xuất khẩu.

Về kinh doanh tập trung mặt hàng có tiềm năng phát triển, chấm dứt mặt hàng lãi thấp để tập trung vốn kinh doanh cho mặt hàng chiến lược

- Trước hết ổn định hoạt động của Nhà máy QCII khai thác 100% công suất thiết kế nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo thu nhập và cổ tức sau khi tăng thêm vốn điều lệ .

- Tăng cường kinh doanh để phát triển mặt hàng dụng cụ đo điện lấy lại thị phần và tăng doanh số mặt hàng thép, mở rộng kinh doanh mặt hàng vòng bi FAG, INA để giảm tồn kho tránh rủi ro do lãi xuất vay ngân hàng cao

Những định hướng phát triển Công ty là hoàn toàn phù hợp với điều kiện, tiềm năng của Công ty xét trên các phương diện về quy mô, trình độ nhân sự, uy tín thương hiệu, và các lợi thế trong kinh doanh.

Tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ lên 32 tỷ để tăng vốn lưu động đảm bảo an toàn về tài chính.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục tìm đối tác chiến lược để kêu gọi đầu tư giải quyết khó khăn về vốn . khai thác lợi thế về nhân sự, quan hệ khách hàng để cải thiện mạnh mẽ về điều kiện SXKD của công ty.

- Khi đã khai thác được 100% công suất thiết kế của nhà máy QCII , đầu tư công nghệ để mở rộng mặt hàng cho phép nhà máy đa dạng hóa sản phẩm tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Tập trung đầu tư mặt hàng kinh doanh có lợi thế để ổn định và phát triển bền vững, tìm mặt hàng kinh doanh khác có lợi thế phát triển để mở rộng quy mô kinh doanh

***Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức và tình hình kinh tế, tình hình thực tế của thị trường cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo như sau:

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Vốn Điều lệ	32.000	32.000	32.000
Doanh thu thuần	200.000	216.000	233.000
Lợi nhuận trước thuế	5.340	5.600	6.600
Lợi nhuận sau thuế	4.005	4.200	4.950
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ DTT	26,70	25,93	28,33
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,00	19,44	21,24
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,125	0,131	0,155
Cổ tức	6%	12%	14%

Nguồn: IETC

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Căn cứ sự phát triển của nền kinh tế trong tương lai, kinh tế thế giới cũng như Việt Nam theo dự báo đang dần thoát khỏi khủng hoảng và đang trong giai đoạn phục hồi

- Căn cứ vào những thuận lợi, khó khăn và kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm 2009; 2010 và năm 2011.

- Khi vốn của Công ty tăng lên 32 tỷ, Công ty có thể tập trung khai thác 100% công suất máy móc thiết bị đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm bu long đai ốc chất lượng cao để tăng doanh thu, lợi nhuận nhà máy có thể đạt đủ khấu hao trả nợ dự án và lợi nhuận đạt bù đắp được cổ tức theo quy định.

- Khi nền kinh tế phục hồi các đơn vị SXKD có nhu cầu vật tư thiết bị để SX tăng lên Công ty sẽ tăng doanh thu, lợi nhuận và giảm tồn kho mặt hàng kinh doanh.

Dự báo trên có mức lợi nhuận không cao vì sau năm 2014 nhà máy QCII dự kiến sẽ trả hết nợ vốn vay

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

- Kể từ tháng 7/2011 hoạt động của chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc đã tách rời không kiêm nhiệm, nên quan hệ công tác là độc lập giữa HĐQT và cơ quan Tổng Giám Đốc.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Tuy nhiên do tình hình kinh tế của đất nước và do thiếu vốn nên kết quả hoạt động SXKD năm 2011 là hết sức khó khăn do áp lực trả nợ vốn vay của dự án công ty phải huy động các nguồn vốn khác để trả nợ, hoạt động SXKD chủ yếu là vốn vay, lãi xuất vay ngân hàng và huy động rất cao, mặt khác các đơn vị SXKD là khách hàng của công ty sản xuất cũng bị đình trệ nên kế hoạch SXKD năm 2011 đạt thấp không có lợi nhuận để trả cổ tức

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2011 mặc dù HĐQT đã rất nỗ lực để tìm đối tác chiến lược nhằm tăng vốn điều lệ lên 32 tỷ nhưng do khó khăn chung của nền kinh tế và khó khăn riêng của công ty nên không thực hiện được. Trong năm 2012 HĐQT đang tiếp tục xúc tiến tìm đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ.

4. Dự báo tình hình phát triển trong thời gian tới :

Theo dự báo của ngân hàng thế giới và công ty kiểm toán Ernst and Joung thì trong năm 2012 và năm 2013 tình hình kinh tế của Việt nam có mức tăng trưởng 7,2-7,4% GDP nước ta dần thoát khỏi khó khăn.

Theo nhận định của chúng tôi về tình hình công ty nếu chúng ta tìm được đối tác chiến lược và nâng được vốn điều lệ lên 32 tỷ thì nửa cuối năm 2012 và 2013 chúng ta sẽ dần thoát khỏi khó khăn do:

- Tình hình tài chính được cải thiện đáng kể
- Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự có nhiều biến động tích cực.
- Khả năng kết hợp giữa thuận lợi và khó khăn của công ty với đối tác chiến lược sẽ có hiệu quả cao hơn vì loại trừ được một số khó khăn về vốn, rủi ro về tài chính, tăng cường được lợi thế về quản trị, khách hàng, ngành hàng.v.v...

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 của năm báo cáo theo báo cáo đã được kiểm toán : 126.577.653.676 đồng

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán : Trang 2 – 24

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1 Kết quả thực hiện hợp nhất toàn Công ty

Năm 2011 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi các diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt nam đó là tỷ lệ lạm phát cao, lãi suất ngân hàng cao nhất từ trước tới nay, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng, tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào ..Trong hoàn cảnh khó khăn đó Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV đã nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả cụ thể như sau :

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 :

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ	Thay đổi %
Doanh thu	162.650	157.012	+ 3.59
Lợi nhuận sau thuế	-	2.101	-
Tổng tài sản	126.577	125.182	+ 1.11
Vốn chủ sở hữu	15.921	18.015	- 11.62
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu VNĐ	-	1.417	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	-	10	-
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu VNĐ	0.93	0.82	11.34

2.2 Kết quả thực hiện năm 2011 tại các đơn vị :

- Văn phòng Công ty :

	KH 2011 Triệu VNĐ	TH 2011 Triệu VNĐ	% Thực hiện
Doanh thu	49.400	34.420	69.68
Lãi HQ	3.480	1.500	43.10

- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh :

	KH 2011 Triệu VNĐ	TH 2011 Triệu VNĐ	% Thực hiện
--	----------------------	----------------------	-------------

Doanh thu	21.700	26.766	123.35
Lãi HQ	3.000	2.232	74.40

- Nhà máy Quy chế II :

	KH 2011 Triệu VNĐ	TH 2011 Triệu VNĐ	% Thực hiện
Doanh thu	77.000	83.506	108.45
Lãi nộp Cty	1.571	1.582	100.70

2.3 Phân tích, giải trình :

Doanh thu năm 2011 không đạt như kế hoạch là do doanh thu của mặt hàng thép của Văn phòng Công ty không đạt , nguyên nhân :

- Ngân hàng thắt chặt tín dụng, giảm hạn mức cho vay do vậy Công ty không có vốn nhập hàng thép cho kinh doanh và Nhà máy Quy chế 2 do việc thu hồi vốn rất chậm.

- Mặt hàng kinh doanh thép có tỷ suất lợi nhuận thấp , khách hàng là các doanh nghiệp cơ khí gặp rất nhiều khó khăn . Trong năm 2011 lãi suất ngân hàng cao , độ rủi ro, thua lỗ đối với kinh doanh thép là rất cao . Vì vậy , doanh thu mặt hàng thép không đạt so với kế hoạch.

Năm 2011 mặc dù doanh thu thực hiện tăng gần 4% so với năm 2010, nhưng lãi không đạt của khối kinh doanh thương mại, do những nguyên nhân chính sau :

- Lãi suất vay ngân hàng năm 2011 luôn ở mức 18-20% , trong khi nguồn vốn kinh doanh của Công ty chủ yếu là đi vay ngân hàng. Do vậy chi phí lãi vay năm 2011 tăng 169.53% so với năm 2010.

- Chi phí cho hàng tồn kho cao, do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn phải duy trì một lượng tồn kho lớn . Tồn kho năm 2011 tăng 109,23% so với năm 2010.

- Chi phí quản lý Công ty tăng so với năm 2010 là 108, %.

Năm 2011 Chính phủ thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát , cắt giảm đầu tư, ổn định kinh tế vĩ mô; các ngân hàng thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt , cắt giảm tín dụng , lãi suất cho vay cao làm cho sức mua và thị trường suy giảm mạnh. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp Việt nam phải gồng mình đối phó vượt qua khó khăn để tồn tại và Công ty Cổ phần kinh doanh Thiết bị Công nghiệp cũng không phải là ngoại lệ.

3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011.

3.1 Doanh thu toàn Công ty : tăng 103,59% (Theo Nghị quyết 2-5%)

3.2 Tỷ lệ chi trả cổ tức :

Năm 2011 Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có lãi và thực hiện ý kiến của UBCK Nhà nước để đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp việc chi trả cổ tức chỉ thực hiện khi Nhà máy Quy chế II phải trích đủ khấu hao. Theo kết quả báo cáo kiểm toán trong năm 2011 tại Nhà máy Quy chế II , chi phí khấu hao chưa được

trích đầy đủ với số tiền là 1.382.466.763đ . Vì vậy , năm 2011 không có nguồn để chi cổ tức theo đúng như Nghị quyết của Đại hội cổ đông là 12%.

3.3 Về thu nhập

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2011 , thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2011 bằng 91% so với năm 2010 , kết quả cụ thể của các đơn vị :

- Văn phòng Công ty : 81% so với 2010
- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh : 80% so với 2010
- Nhà máy Quy chế II : 99% so với 2010.

3.4 Về vốn

- Ngân hàng Công thương Hà tây đã cấp hạn mức tín dụng cho Công ty là 10 tỷ VNĐ với hình thức tín chấp và thế chấp hàng hoá.

- Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp sổ đỏ Văn phòng Công ty và kho Phú lâm để tăng giá trị tài sản thế chấp tại ngân hàng.

- Để đáp ứng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã huy động của CBCNV và các cá nhân tăng thêm 8.5 tỷ so với năm 2010.

- Trong năm 2011 Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp nhận cho phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 32 tỷ VNĐ.

3.5 Tổ chức bộ máy

- Đã chuyển giao chức Tổng giám đốc cho Ông Nguyễn Thế Vinh đảm nhiệm từ ngày 01/07/2011 và đang hoàn thiện bộ máy lãnh đạo Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh và Nhà máy Quy chế II.

3.6 Các vấn đề khác.

- Tuy gặp nhiều khó khăn trong năm 2011 nhưng Công ty vẫn duy trì, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động, không có trường hợp phải nghỉ không lương.

- Trong năm 2011 Công ty CP Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng II. Nhà máy Quy chế II và giám đốc NM QC2 được Bộ trưởng Bộ công thương tặng bằng khen.

4. Kế hoạch năm 2012..

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012



4.1.1 Kế hoạch của khối kinh doanh thương mại

	KH 2012 Triệu VNĐ	TH 2011 Triệu VNĐ	So với Kết quả TH 2011
Doanh thu	103.000	61.186	+ 68.34%
Lãi HQ	7.900	3.732	+ 111.68%

4.1.2 Kế hoạch của khối sản xuất

	KH 2012 Triệu VNĐ	TH 2011 Triệu VNĐ	So với Kết quả TH 2011
Doanh thu	75.000	83.506	- 10.19%
Lãi ròng + Khấu hao	5.000	4.366	+ 14.52%
Kinh phí nộp cấp trên	525	707	- 25.74%

4.2 Cổ tức năm 2012

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 dự kiến là 6%..

4.3 Về vốn

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược để bán cổ phần tăng vốn điều lệ lên 32 tỷ đồng.
- Hoàn thành việc xin cấp sổ đỏ Văn phòng Công ty và kho Phú lâm để tăng tài sản thế chấp tại ngân hàng.
- Xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển để tăng vốn lưu động.
- Huy động vốn từ các nguồn để đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.4 Về tổ chức bộ máy, lao động tiền lương

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy lãnh đạo tại các đơn vị và của công ty.
- Thực hiện cơ chế trả lương mới phản ánh đúng kết quả sản xuất kinh doanh tuyệt đối không ăn vào vốn .

4.5 Các vấn đề khác.

- Xem xét thực hiện việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện việc cắt giảm chi phí, tiết kiệm.
- Thực hiện các chính sách quản lý rủi ro.
- Tạo động lực khuyến khích đẩy mạnh kinh doanh có hiệu quả.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

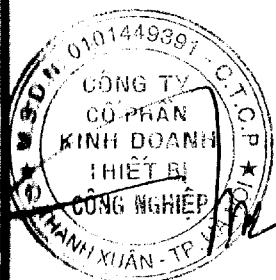
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.552.091.231	79.419.741.948
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.718.706.785	1.125.122.353
1. Tiền	111		1.718.706.785	1.125.122.353
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.877.451.531	28.053.857.292
1. Phải thu khách hàng	131		25.973.259.816	27.709.621.830
2. Trả trước cho người bán	132		-	343.629.000
3. Các khoản phải thu khác	135	4	1.904.191.715	606.462
III- Hàng tồn kho	140	5	52.975.889.805	48.496.703.773
1. Hàng tồn kho	141		52.975.889.805	48.496.703.773
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		980.043.110	1.744.058.530
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		271.997.735	535.867.349
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		708.045.375	1.208.191.181
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.025.562.445	45.762.739.866
I- Tài sản cố định	220		43.025.562.445	45.762.739.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	37.174.205.245	39.674.927.256
- Nguyên giá	222		55.821.141.666	55.661.496.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.646.936.421)	(15.986.569.663)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	5.851.357.200	6.087.812.610
- Nguyên giá	228		7.212.850.637	7.212.850.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.361.493.437)	(1.125.038.027)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN □	270		126.577.653.676	125.182.481.814

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	Mẫu B 01-DN
			VND	Đơn vị tính: VND 01/01/2011 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		110.656.558.941	107.167.246.487
I- Nợ ngắn hạn	310		93.070.941.553	81.379.593.323
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	72.936.911.299	57.642.299.405
2. Phải trả người bán	312		14.503.543.183	17.721.931.563
3. Người mua trả tiền trước	313		1.889.660.802	1.464.276.224
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.893.696.462	2.421.717.336
5. Phải trả người lao động	315		-	507.523.353
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	10	864.556.990	1.092.730.364
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		982.572.817	529.115.078
II- Nợ dài hạn	330		17.585.617.388	25.787.653.164
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	17.293.621.838	25.526.550.838
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		291.995.550	261.102.326
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.921.094.735	18.015.235.327
I- Vốn chủ sở hữu	410	12	15.921.094.735	18.015.235.327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.738.440.000	14.738.440.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		798.908.734	798.908.734
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		288.210.001	288.210.001
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		536.000	2.094.676.592
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN □	440		126.577.653.676	125.182.481.814

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận	002		6.154.013	6.154.013
2. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		82.867.113	79.679.193
3. Ngoại tệ các loại (USD)	005		1,4	1,4



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Hồ Thanh Thúy

Kế toán trưởng

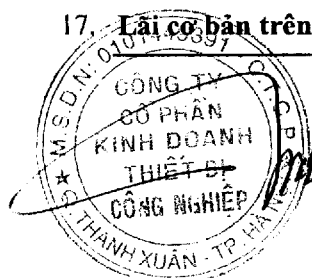
Lê Minh Huyền

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	162.650.780.038	157.012.217.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	238.728.030	114.709.951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	162.412.052.008	156.897.507.429
4. Giá vốn hàng bán	11	16	135.553.416.030	131.426.381.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.858.635.978	25.471.125.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.959.197.045	59.010.460
7. Chi phí tài chính	22	18	12.895.860.082	8.033.714.950
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.895.860.082	7.606.186.132
8. Chi phí bán hàng	24		5.253.601.408	5.905.238.684
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.533.384.096	9.743.605.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.987.437	1.847.577.262
11. Thu nhập khác	31		762.852	1.091.264.210
12. Chi phí khác	32		135.750.289	137.357.409
13. Lợi nhuận khác	40		(134.987.437)	953.906.801
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	2.801.484.063
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	700.371.016
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	2.101.113.047
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	-	1.417



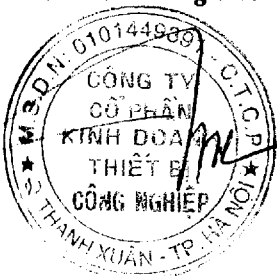
Nguyễn Thế Vinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Hồ Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.077.604.634	149.825.320.004
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(166.244.734.777)	(133.583.321.328)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.058.760.258)	(10.798.707.916)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	(12.895.860.082)	(3.132.910.027)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(700.371.016)	(1.032.427.489)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	79.693.592.911	82.843.550.386
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(78.237.878.776)	(80.690.786.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.366.407.364)	3.430.716.820
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(129.209.940)	(497.540.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.010.460)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.518.842	59.010.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101.691.098)	(397.540.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	92.175.521.827	65.460.013.534
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(85.113.838.933)	(69.423.998.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.061.682.894	(3.963.985.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	593.584.432	(930.808.442)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.125.122.353	2.055.930.795
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.718.706.785	1.125.122.353



Nguyễn Thế Vinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Hồ Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền
Người lập biểu

V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.

1. Kiểm toán độc lập

Số: /2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính năm 2011 của
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Một số khoản công nợ phải thu phải trả chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại thời điểm 31/12/2011.

Tại nhà máy Quy chế II, chi phí khấu hao chưa được trích đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo ước tính của KTV với số tiền là 1.382.466.763 đồng.

Công ty đang trình bày khoản chênh lệch giữa Quỹ lương theo đơn giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ và lương thực trả cho cán bộ nhân viên theo cơ chế chi trả lương của Công ty số tiền (1.854.191.715) đồng như một khoản phải thu cán bộ nhân viên trên Báo cáo tài chính năm 2011.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0295/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Lại Văn Hùng
Kiểm toán viên

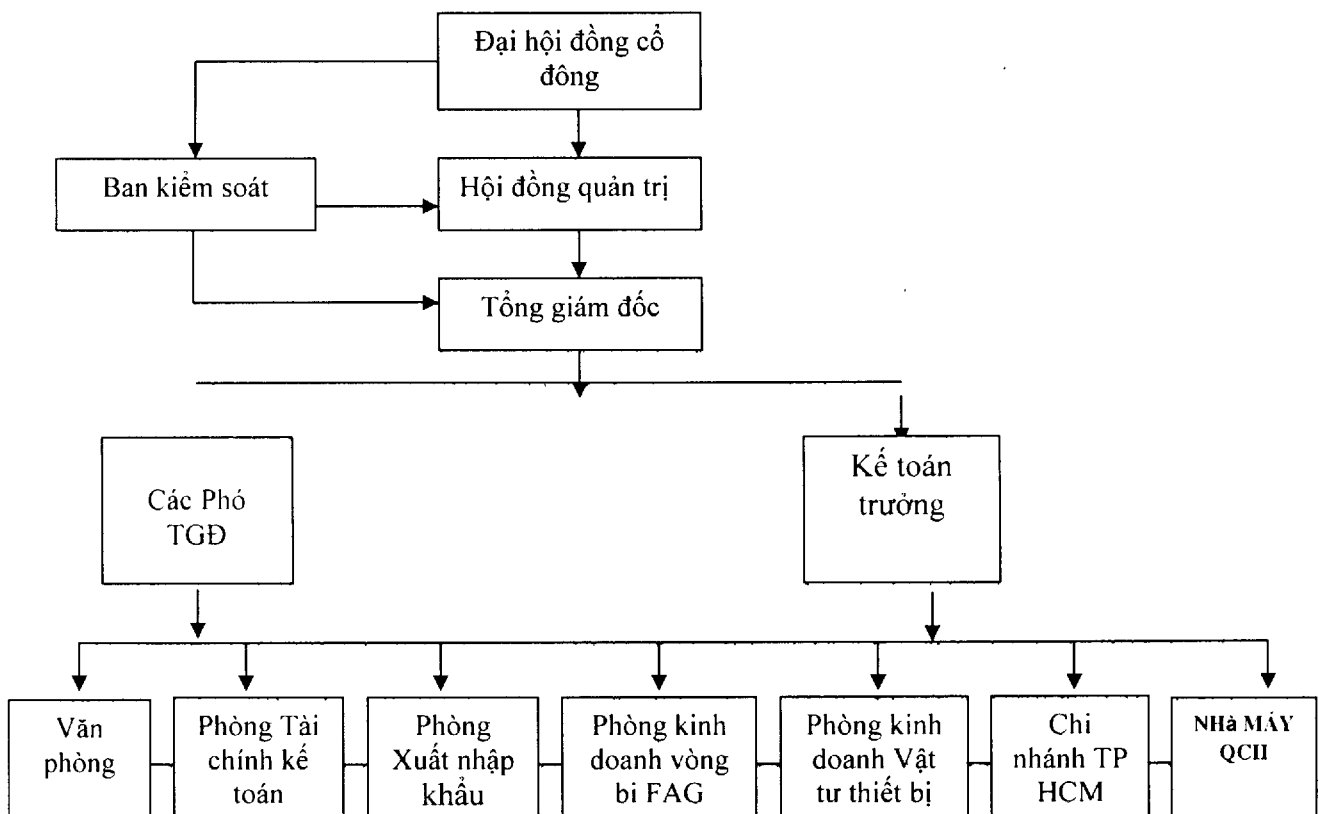
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0907/KTV

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN : KHÔNG CÓ

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ.

1 Cơ cấu tổ chức của công ty

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua ngày 20/05/2011.



1.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ.

1.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua cơ quan tổng giám đốc.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

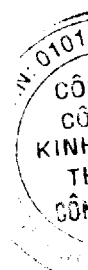
Danh sách thành viên HĐQT của Công ty như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên trường trực HĐQT
3	Hồ Thanh Thúy	Ủy viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT
5	Trần Thị Thu Trang	Ủy viên HĐQT- Đại diện phần vốn NN tại Công ty

1.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán viên. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm



.....
trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông của công ty. Thành viên Ban kiểm soát không giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Ngọc Lan	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Thị Thanh Trúc	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vũ Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

1.4. Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Vinh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
5	Hồ Thanh Thúy	Kế Toán Trưởng

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

1.5. Các phòng ban chức năng của Công ty

Văn phòng: Đảm bảo tốt công tác hậu cần, bảo vệ an toàn tài sản và người lao động của toàn Công ty. Làm tốt công tác đối nội, đối ngoại và chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, đảm nhiệm trách nhiệm thư ký Tổng giám đốc, phụ trách công tác LĐTL.

19397
G TY
PHÂN
ĐOAN
ẾT B
NHUỆP

Phòng TC – KT: Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về hoạt động tài chính kế toán của toàn Công ty, đảm bảo đủ vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý công tác thanh toán công nợ trong toàn Công ty, thường xuyên tư vấn cho TGD về tình hình tài chính của Công ty. Có nhiệm vụ đề ra các kiến nghị, giải pháp và hướng giải quyết trình TGD quyết định.

Đảm bảo thực hiện hạch toán sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật của nhà nước và quy định của các cấp có thẩm quyền.

Phòng Xuất nhập khẩu: Thực hiện nghiệp vụ ngoại thương, đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu của toàn Công ty đúng pháp luật và thông lệ quốc tế, tránh những sai phạm và bị đối tác lừa lọc gây thiệt hại về kinh tế và uy tín của Công ty. Ngoài ra, tư vấn cho TGD về chính sách kinh tế đối ngoại, tỷ giá hối đoái, thuế XNK, chính sách hải quan,... và tìm các mặt hàng để XNK.

2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám Đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Vinh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
5	Hồ Thanh Thúy	Kế Toán Trưởng

2.1. Ông Nguyễn Thế Vinh

- **Họ và tên** Nguyễn Thế Vinh
- **Chức danh** Ủy viên trường trực Hội đồng quản trị kiêm . Tổng Giám đốc
- **Giới tính** Nam
- **Ngày sinh** 21/12/1954
- **CMTND** 011490626
- **Nơi sinh** Tứ Kỳ - Hải Dương

- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Tứ Kỳ - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú 52/13 ngõ Đền Tương Thuận – Khâm Thiên – Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan 04 38542 370
- Trình độ văn hóa 10/10
- Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí.
- Quá trình công tác
 - 1972 – 10/1979: Đi bộ đội
 - 11/1979 – 08/1980: Lưu học sinh Đại học ngoại ngữ Hà Nội.
 - 9/1980 – 09/1985: Học đại học tại Liên Xô cũ
 - 01/1986 – 06/1990: Chuyên viên Bộ cơ khí Luyện Kim
 - 07/1990 – 3/1991: Chuyên viên Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp
 - 04/1991 – 3/1993 – TP.Cty KDTBCN
 - 4/1993-2/2004 – P.Giám đốc Cty KDTBCN
 - 3/2004- 6/2011 P. Tổng Giám Đốc Cty CP KDTBCN
 - 7/2011- : Quyền.Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp.
 - 01/11/2011: Tổng giám đốc Cty CP KDTBCN
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 31/12/2011): 77.250 cổ phần:
 - Sở hữu: 77.250 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: : không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: : không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: : không

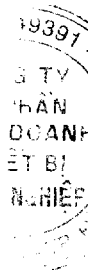
2.2. Bà Hồ Thanh Thúy

- Họ và tên: Hồ Thanh Thúy
- Chức danh: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/09/1959
- CMTND: 011018209
- Nơi sinh: Cao Bằng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Láng – Tứ Liên – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 11 Đường Thanh Niên – Ba Đình – Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 38544 890
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Tài chính Kế toán).
- Quá trình công tác:
 - 1982 – 1987: Cán bộ Công ty COALIMEX Hà Nội
 - 1987 – 1991: Cán bộ Công ty Dệt May Cotbut CHDC Đức.
 - 1993 – 1996: Cán bộ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp
 - 10/1997 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp nay là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 31/12/2011): 77.250 cổ phần:
 - Sở hữu: 77.250 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: : không
- Hành vi vi phạm pháp luật: : không

2.3. Nguyễn Xuân Thanh

- Họ và tên Nguyễn Xuân Thanh
- Chức danh Phó Tổng Giám Đốc
- Giới tính Nam
- Ngày sinh 03/07/1962
- CMTND 010216199
- Nơi sinh Hà nội
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Hà Trung – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú Tổ 36 Phường Vĩnh tuy – Q. HBT , HN
- ĐT liên lạc ở cơ quan 04 38542 370
- Trình độ văn hóa 10/10
- Trình độ chuyên môn Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh, Thạc sỹ QTKD
- Quá trình công tác
 - 1981-1987: Đại học tại Bungari
 - 1988-1992: Công tác tại Viện Dệt
 - 1992-19958: Học ngoại ngữ - Tiếng Anh
 - 1995- nay: Công tác tại Công ty CP Kinh Doanh TBCN
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 31/12/2011): 38.625 cổ phần
 - Sở hữu: 38.625 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần



- Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty: : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: : không
- Hành vi vi phạm pháp luật: : không

2.4 Vũ Mạnh

- Họ và tên Vũ Mạnh
- Chức danh Phó Tổng Giám Đốc kiêm chánh Văn Phòng
- Giới tính Nam
- Ngày sinh 01/09/1953
- CMTND 010627973
- Nơi sinh Chợ Chu – Thái Nguyên
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Liên Minh - Vụ Bản – Nam Định
- Địa chỉ thường trú 37 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm – Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan 04 38542 570
- Trình độ văn hóa 10/10
- Trình độ chuyên môn Kỹ sư kinh tế - cơ khí
- Quá trình công tác
1977-1985: Viện công nghệ - Bộ CN.
1986 – 1990: Quản lý LD tại Tiệp khắc.
1991 – 1994: Viện Công nghệ - Bộ CN
1995-2000: Công ty cơ khí điện tử, chế xuất khoáng sản quý hiếm- Bộ CN
02/2000- Nay: Công ty CP Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp hiện nay là Phó TGD kiêm Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 31/12/2011): 38.625 cổ phần:
 - Sở hữu: 38.625 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: : không
- Hành vi vi phạm pháp luật: : không

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

• Nhân sự:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thôi kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, chuyển giao quyền điều hành từ 1/7/2011 cho Q. Tổng giám đốc nay là Tổng Giám Đốc để có sự tập trung hơn vào chỉ đạo chiến lược và giám sát.
- Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, do thành viên HĐQT - người đại diện phần vốn NN tại công ty nghỉ chế độ
- Bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát do 1 Thành viên trong Ban Kiểm soát chuyên công tác xin từ chức
- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc

3.1 Chính sách đối với người lao động

3.1.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động tính đến thời điểm hiện tại là 197 người

Cơ cấu lao động:

Tiêu chí phân loại	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	197	100
Đại học – Cao đẳng	64	33
Trung cấp	22	11

Công nhân	36	18
Lao động phổ thông	75	38
Giới tính	197	100
Nam	143	73
Nữ	54	27

Nguồn: IETC

3.1.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp;

Đối với IETC, người lao động là tài sản vô cùng quý giá, quyết định vận mệnh và sự phát triển mạnh mẽ và bền vững Công ty trong quá trình hoạt động. Do đó, nhân tố con người được IETC chú trọng đầu tư rất lớn. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương tốt, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện và cạnh tranh bình đẳng để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, tính năng động và góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và có chính sách đào tạo ngắn hạn và dài hạn.

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, tại NM QCII là 6 ngày/tuần, nghỉ trưa từ 11h 45 phút đến 13h. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, CBNV sẵn sàng và tự nguyện làm thêm giờ. Công ty luôn có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

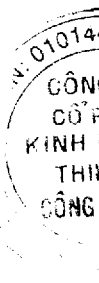
Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, đầy đủ các thiết bị làm việc để đạt hiệu quả công việc cao nhất.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương và thưởng: Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả công việc. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.



Chính sách lương, thưởng:

Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại IETC là thu nhập thuần hàng tháng, theo đó Công ty tính nộp các khoản BHXH, BHYT, Thuế TNCN...cho người lao động.

Chính sách trợ cấp:

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở IETC còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm.

Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, IETC chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện. Bên cạnh việc thực hiện các quy định lao động một cách nghiêm túc, IETC còn quan tâm đến đời sống tinh thần của toàn thể CBNV trong Công ty qua các chương trình nghỉ mát, dã ngoại, các buổi tiệc cho toàn thể nhân viên và gia đình trong các dịp lễ tết.

3.1.3. Chính sách cổ tức

Công ty có chủ trương chi trả cổ tức ở mức hợp lý trong phạm vi lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mức cổ tức được chi trả đảm bảo cân đối giữa lợi ích trước mắt của các cổ đông và lợi ích phát triển lâu dài của Công ty trong đó kết hợp hài hòa giữa cổ tức và khấu hao trả nợ vốn vay (phần để lại để bổ sung vốn kinh doanh). Cổ tức cụ thể trả hàng năm, do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Mức cổ tức của Công ty qua các năm

	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	2011
Tỷ lệ chi trả	12%	10%	15%	10%	0%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	12% tiền mặt; 3% bằng cổ phiếu	10% tiền mặt;	

397
TY
I AN
OAN
I B
GHIE

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị họp thường xuyên 3 tháng/lần. Một số nội dung chính được thảo luận và quyết định gồm có: định hướng hoạt động của năm và quý, tăng vốn điều lệ năm 2011, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, kế hoạch huy động vốn vay trả nợ ngân hàng v.v...

Ngoài ra, các thành viên thường trực Hội đồng quản trị, cùng với sự tham gia của Ban kiểm soát, thường xuyên họp bàn đột xuất nhằm cập nhật tình hình kinh doanh, thông tin kinh tế trong và ngoài nước, nêu định hướng hoạt động cho thời gian tới v.v.

- Thành viên và cơ cấu hoạt động của Ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát gồm 03 người mỗi năm họp 2 lần , Ban kiểm soát thực hiện hiệu quả việc giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Với việc phối hợp chặt chẽ cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đã giám sát chặt chẽ hoạt động của toàn hệ thống, kiểm soát chi phí điều hành, kiểm toán báo cáo tài chính nêu ra những ý kiến giúp doanh nghiệp .

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Với sự đoàn kết của cả công ty vượt qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế nói chung, công ty có những tiếp thu cải biến mới trong năm 2012, sắp xếp , thay đổi lại tổ chức nhân sự tránh lãng phí , sắp xếp thay đổi chế độ tiền lương để người lao động ngày càng gắn bó với công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2011.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thu lao HĐQT	Chi phí khác
1	Nguyễn Đình Liên	Chủ tịch HĐQT	9,605,000	
2	Nguyễn Thế Vinh	UV TT HĐQT	8,004,000	
3	Hồ Thanh Thúy	UV HĐQT	6,403,000	
4	Nguyễn Văn Quang	UV HĐQT	6,403,000	
5	Trần Thị Thu Trang	UV HĐQT	4,002,000	
	Ban kiểm soát		Thu lao BKS	
1	Lê Thị Ngọc Lan	Trưởng BKS	6,403,000	
2	Trần Thị Thanh Trúc	TV BKS	3,002,000	
3	Vũ Thu Hương	TV BKS	4,802,000	
	Cộng		48,624,000	

- Số lượng thành viên HĐQT/ Ban Kiểm soát ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT: không thay đổi

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.: không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
I	TỔ CHỨC				
1	Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hoàn Kiếm – Hà Nội.	0106000827	255.000	17,30

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH TỚI NGÀY 31/12/2011

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	VỐN ĐIỀU LỆ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông sáng lập	1.473.844	14.738.440.000	100
2	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	1.473.844	14.738.440.000	100
	Cổ đông trong nước	1.473.844	14.738.440.000	100
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
3	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	1.473.844	14.738.440.000	100
	Cổ đông tổ chức	262.354	2.623.540.000	17,80
	Cổ đông cá nhân	1.211.490	12.114.900.000	82,20

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn theo nội dung:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI

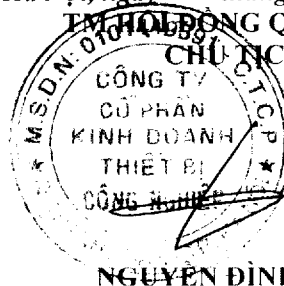
STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND/ĐKKD	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
I	TỔ CHỨC				
1	Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hoàn Kiếm – Hà Nội.	0106000827	255.000	17.30
2	DNTN Trinh Tiến Cường	Lô A4, đường số 6, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP.HCM	025329	7.354	0.50
II	CÁ NHÂN				
2	171 cổ đông cá nhân khác			1.211.490	82.20
				1.473.844	100

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : không có

Nơi nhận:

Nộp UBCKNN, Website công ty
Lưu công bố thông tin, VP.
HDQT, BKS

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2012.



49397
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH
THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP